

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2011**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01a – DN/HN)	4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02a - DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03a - DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09a - DN/HN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh**

Số 4103004932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2006 và điều chỉnh lần thứ 9 số 0301446221 ngày 9 tháng 4 năm 2011.

Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thị Huệ	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2011)
Ông Kim Soung Gyu	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2011)
Ông Kim Jung Heon	Thành viên
Ông Vũ Đình Độ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2011)
Ông Lee Eun Hong	Thành viên
Ông Trần Như Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2011)
Bà Nguyễn Minh Hảo	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lee Eun Hong	Tổng Giám đốc
Ông Kim Jung Heon	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2011)
Bà Đinh Thị Thu Hằng	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lee Eun Hong	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Trụ sở chính

36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần - Dệt may - Thương mại Thành Công ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm từ trang 4 đến trang 38. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dệt May - Đầu Tư - Thương Mại Thành Công (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 29 tháng 8 năm 2011. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ 6 tháng kết thúc vào ngày nêu trên, và các thuyết minh bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 4 đến trang 38. Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ vào việc soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Căn cứ vào công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề nào khác đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây là không được soạn lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

Quách Thành Châu
Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo soát xét số HCM2935
Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Như đã nêu trong thuyết minh số 2.1 cho các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty, các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 01a – DN/HN****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		963.941.118.893	923.288.217.831
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	77.385.942.336	139.338.192.555
111	Tiền		75.085.942.336	138.338.192.555
112	Các khoản tương đương tiền		2.300.000.000	1.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	500.000.000	1.068.750.000
121	Đầu tư ngắn hạn		2.500.000.000	4.076.000.000
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.000.000.000)	(3.007.250.000)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		159.223.826.311	174.992.233.474
131	Phải thu khách hàng	5	108.637.999.086	120.532.114.279
132	Trả trước cho người bán		38.825.810.672	47.520.998.119
135	Các khoản phải thu khác	6	12.957.962.271	7.962.392.283
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.197.945.718)	(1.023.271.207)
140	Hàng tồn kho	7	647.212.048.262	526.017.829.841
141	Hàng tồn kho		660.155.916.579	528.004.420.061
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.943.868.317)	(1.986.590.220)
150	Tài sản ngắn hạn khác		79.619.301.984	81.871.211.961
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		73.786.176	100.713.682
152	Thuế GTGT được khấu trừ		74.517.416.132	78.220.684.028
158	Tài sản ngắn hạn khác	8	5.028.099.676	3.549.814.251

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 01a – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.056.969.750.077	990.558.506.750
220	Tài sản cố định		817.474.696.815	747.470.853.412
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	629.628.714.673	642.732.275.223
222	Nguyên giá		1.273.719.900.373	1.272.713.567.054
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(644.091.185.700)	(629.981.291.831)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	9(b)	4.634.803.613	4.892.292.701
225	Nguyên giá		7.722.198.841	7.722.198.841
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.087.395.228)	(2.829.906.140)
227	Tài sản cố định vô hình	9(c)	80.258.578.188	80.558.049.725
228	Nguyên giá		84.532.732.554	84.427.732.554
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.274.154.366)	(3.869.682.829)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(d)	102.952.600.341	19.288.235.763
240	Bất động sản đầu tư	10	29.027.985.146	30.400.880.418
241	Nguyên giá		31.034.443.158	32.329.743.158
242	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.006.458.012)	(1.928.862.740)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	113.164.211.697	111.482.219.100
252	Đầu tư vào công ty liên kết		111.527.312.197	110.418.719.100
258	Đầu tư dài hạn khác		4.468.600.000	2.820.500.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.831.700.500)	(1.757.000.000)
260	Tài sản dài hạn khác		97.302.856.419	101.204.553.820
261	Chi phí trả trước dài hạn	11	83.816.886.801	85.127.047.468
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	20	2.625.761.662	4.504.259.417
268	Tài sản dài hạn khác	12	482.974.153	722.577.762
269	Lợi thế thương mại	13	10.377.233.803	10.850.669.173
270	TỔNG TÀI SẢN		2.020.910.868.970	1.913.846.724.581

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 01a – DN/HN****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.277.845.960.137	1.230.483.419.779
310	Nợ ngắn hạn		948.788.290.180	859.351.562.780
311	Vay và nợ ngắn hạn	14(a)	630.653.090.139	417.672.823.893
312	Phải trả người bán	15	175.323.598.736	237.479.364.637
313	Người mua trả tiền trước		73.358.173.970	133.009.868.351
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.465.563.693	25.104.914.800
315	Phải trả người lao động		19.082.070.515	24.141.747.539
316	Chi phí phải trả	17	2.095.214.153	3.890.169.907
319	Các khoản phải trả khác	18	36.785.975.988	16.231.843.046
353	Quỹ khen thưởng và phúc lợi		6.024.602.986	1.820.830.607
330	Nợ dài hạn		329.057.669.957	371.131.856.999
333	Phải trả dài hạn khác	19	17.876.000.000	37.502.000.000
334	Vay và nợ dài hạn	14(b)	291.936.345.874	318.062.394.947
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		19.245.324.083	15.549.462.052
338	Doanh thu chưa thực hiện		-	18.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		743.064.908.833	683.363.304.802
410	Vốn chủ sở hữu		738.807.165.289	678.957.666.535
411	Vốn cổ phần	21, 22	447.374.860.000	434.382.430.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	45.032.400.000	45.032.400.000
414	Cổ phiếu quỹ	22	(5.939.990.000)	(5.939.990.000)
417	Quỹ đầu tư phát triển	22	7.611.529.549	(5.663.667.865)
418	Quỹ dự phòng tài chính	22	30.898.924.401	17.623.726.987
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22	9.482.283.867	-
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22	204.347.157.472	193.522.767.413
439	Lợi ích cổ đông thiểu số		4.257.743.544	4.405.638.267
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.020.910.868.970	1.913.846.724.581

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 2.908.898 đô la Mỹ (2010: 6.552.328 đô la Mỹ); 1.231.382 Yên Nhật (2010: 1.626.259 Yên Nhật).

Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Minh Hào
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 02a – DN/HN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2011 VNĐ	30.6.2010 VNĐ
01	Doanh thu	1.207.469.315.943	864.511.882.738
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(595.523.211)	(2.260.273.030)
10	Doanh thu thuần	1.206.873.792.732	862.251.609.708
11	Giá vốn hàng bán	(926.644.375.308)	(697.660.351.683)
20	Lợi nhuận gộp	280.229.417.424	164.591.258.025
21	Doanh thu hoạt động tài chính	17.877.187.086	11.852.310.310
22	Chi phí tài chính	(83.714.923.130)	(68.353.290.363)
24	Chi phí bán hàng	(25.821.238.557)	(21.633.119.842)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(43.569.039.951)	(30.475.474.257)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	145.001.402.872	55.981.683.873
40	Thu nhập khác	1.816.477.516	838.740.070
45	Phần lợi nhuận từ liên doanh, công ty liên kết	1.757.742.610	1.210.893.892
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	148.575.622.998	58.031.317.834
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(18.919.008.372)	(7.462.977.946)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.878.497.755)	-
60	Lợi nhuận sau thuế	127.778.116.871	50.568.339.888
61	Lợi ích cổ đông thiểu số	(16.974.836)	721.419.620
62	Tổng lợi nhuận sau thuế	127.761.142.035	51.289.759.508
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.862	1.183

Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Minh Hảo
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 03a – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày		
		30.6.2011 VNĐ	30.6.2010 VNĐ	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế	148.575.622.998	58.031.317.834	
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	26.978.050.975	26.885.386.761
03	Các khoản dự phòng		11.199.403.108	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	25,27	26.133.465.723	9.694.139.605
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.216.574.913)	(3.679.758.206)
06	Chi phí lãi vay	27	31.995.583.067	34.599.881.958
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		232.665.550.958	125.530.967.952
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		17.251.892.255	(51.363.933.485)
10	Tăng hàng tồn kho		(132.151.496.518)	(137.960.087.872)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(142.140.803.716)	37.336.378.336
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước		1.337.088.173	(546.192.603)
13	Tiền lãi vay đã trả		(32.451.522.455)	(34.599.881.958)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(38.345.376.969)	(7.374.792.594)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		239.603.609	120.786.536
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(9.042.953.594)	(2.171.669.748)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(102.638.018.257)	(71.028.425.436)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(97.341.394.207)	(6.567.020.533)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác		11.647.559.922	509.363.637
24	Tiền thu hồi bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(72.100.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	3.712.591.883
27	Cổ tức và lãi nhận được		543.667.482	899.291.476
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(85.222.266.803)	(1.445.773.537)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Tiền vay nhận được		635.738.453.138	486.095.209.519
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(473.447.718.251)	(478.587.824.454)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(847.058.785)	(873.156.004)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(35.682.933.600)	(18.656.811.500)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		125.760.742.502	(12.022.582.439)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(62.099.542.558)	(84.496.781.412)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3	139.338.192.555	135.544.355.784
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		147.292.339	645.608.400
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	77.385.942.336	51.693.182.772

Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Minh Hào
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2011****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư Thương mại Thành Công (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy Chứng đăng ký Kinh doanh số 4103004932, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp 23 tháng 6 năm 2006. Ngày 9 tháng 4 năm 2011, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 9 số 0301446221.

Hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất và mua bán các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may.
- Mua bán thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh - thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải.
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, đường bộ.
- Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại.
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc – thiết bị.
- Môi giới thương mại.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh	Vốn điều lệ tại ngày 30.06.2011 Triệu đồng	Tỷ lệ phần trăm cổ phần năm giữ
Các công ty con					
1	Công ty Cổ Phần Trung tâm Y khoa Thành Công (“Trung tâm Y khoa Thành Công”)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ y tế, mua bán dược phẩm và trang thiết bị y tế	15.000	56,63%
2	Công ty Cổ Phần Thành Quang	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh hạ tầng cơ sở, sản xuất và mua bán vải sợi	22.000	97,50%
Công ty liên kết					
3	Công ty Cổ phần Thành Chí (“Thành Chí”)	TP. Vũng Tàu	Mua bán và khai thác cát, đá	43.890	47,43%
4	Công ty Chứng khoán Thành Công (“TCSC”)	Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Môi giới chứng khoán, kinh doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán	360.000	24,75%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Phúc (“Thành Phúc”)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng và quản lý dự án	7.000	23,79%
6	Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu (“Golf Vũng Tàu”)	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Cung cấp các dịch vụ du lịch và giải trí	29.000	30,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tập đoàn có 4.250 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.312 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Các chính sách kế toán được áp dụng khi soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty là nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong niên độ trước.

2.2 Hợp nhất báo cáo

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần nhỏ hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian mười năm.

Đối với việc hợp nhất kinh doanh liên quan tới các doanh nghiệp cùng dưới một sự kiểm soát chung, các tài sản đem trao đổi và các khoản nợ phải trả hoặc đã nợ tiềm tàng đã thừa nhận được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi, không tính đến phạm vi quyền lợi cổ đông thiểu số. Chênh lệch giữa số tiền đã trả ra để mua với giá trị ghi sổ tổng hợp của tài sản và nợ phải trả của bên bị mua được ghi nhận giảm thặng dư vốn cổ phần. Không có lợi thế thương mại nào được tạo ra từ việc hợp nhất kinh doanh của các doanh nghiệp cùng dưới sự kiểm soát chung.

2.2 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)***Công ty con (tiếp theo)***

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cung thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào kết quả kinh doanh hợp nhất cho đến ngày thanh lý, là ngày công ty mẹ chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Nghịệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghịệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghịệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

Liên doanh và các bên liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh, liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soạn lập cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết.

2.8 Các khoản đầu tư**(a) Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập khi giá gốc của các khoản đầu tư cao hơn giá trị hợp lý.

2.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**(b) Đầu tư vào liên doanh và công ty liên kết**

Đầu tư vào liên doanh và công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

(c) Các khoản đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn bao gồm các sở hữu cổ phiếu với tỉ lệ ít hơn 20% phần vốn ở các công ty niêm yết và chưa niêm yết. Tập đoàn không có ý định thanh lý các khoản đầu tư này trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm giá trị các đầu tư này.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính dựa theo Thông tư số 203/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2010. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	7 - 15 năm
Giấy phép và phần mềm máy tính	4 - 10 năm
Khác	7 - 22 năm

Chi phí thuê đất trả trước dài hạn mà Tập đoàn đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo số năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản cố định và được ghi nhận là thu nhập khác và chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.10 Thuê tài sản cố định

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Bất động sản đầu tư*Khấu hao*

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ ước tính hàng năm cho các tòa nhà cho thuê là 2%.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong số năm phù hợp với từng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là doanh thu và giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại thể hiện phần chênh lệch giữa giá phí thụ đắc cao hơn giá trị thị trường của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần xác định được của công ty con bị mua tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí trong thời hạn 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

2.13 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Doanh thu gia công

Doanh thu hoạt động gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa đã được gia công và đã được bên chủ hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu các khoản tiền gia công.

(c) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.15 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.16 Chia cổ tức

Phần cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được Đại hội Cổ đông Thường niên phê chuẩn.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi khác, v v..

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

(c) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ tiền và hiện vật, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

(d) Quỹ khác

Quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dự phòng cho việc tăng vốn điều lệ trong tương lai.

2.18 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Tiền mặt	1.497.844.640	936.624.270
Tiền gửi ngân hàng	73.588.097.696	137.401.568.285
Các khoản tương đương tiền	2.300.000.000	1.000.000.000
	77.385.942.336	139.338.192.555

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09a - DN/HN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	1.576.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	500.000.000	500.000.000
Cho bên thứ ba vay	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.500.000.000	4.076.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.000.000.000)	(3.007.250.000)
	500.000.000	1.068.750.000

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết	(i)	111.527.312.197	110.418.719.100
Đầu tư dài hạn khác	(ii)	4.468.600.000	2.820.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(iii)	(2.831.700.500)	(1.757.000.000)
		113.164.211.697	111.482.219.100

(i) Khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Tên Công ty	Tại ngày 30.6.2011		Tại ngày 31.12.2010	
	Giá trị đầu tư ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty VNĐ	Số lượng cổ phần	Giá trị đầu tư ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty VNĐ	Số lượng cổ phần
Thành Chí	30.047.395.589	2.081.900	30.023.948.150	2.081.900
TCSC	71.114.916.608	8.911.700	70.029.770.950	8.866.700
Golf Vũng Tàu	8.700.000.000	870.000	8.700.000.000	870.000
Thành Phúc	1.665.000.000	166.500	1.665.000.000	166.500
	111.527.312.197		110.418.719.100	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

(ii) Các khoản đầu tư dài hạn khác:

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.449.600.000	2.377.500.000
Công ty Dệt Việt Thắng	125.000.000	125.000.000
Công ty Dệt May Huế	318.000.000	318.000.000
Dệt May Thắng Lợi (VIGATEXCO) (*)	1.576.000.000	-
	<u>4.468.600.000</u>	<u>2.820.500.000</u>

(*) Cổ phiếu đầu tư dài hạn thể hiện khoản đầu tư 32.500 cổ phiếu của một Công ty Cổ phần.

(iii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2011 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	1.757.000.000	1.497.000.000
Chuyển từ dự phòng đầu tư ngắn hạn	1.007.250.000	-
Các khoản dự phòng trong kỳ	131.812.500	260.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(64.362.000)	-
	<u>2.831.700.500</u>	<u>1.757.000.000</u>

5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Các bên thứ ba	<u>108.637.999.086</u>	<u>120.532.114.279</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Bên thứ ba – một cá nhân (*)	9.792.000.000	-
Phải thu từ các bên thứ ba - khác	1.084.062.271	5.880.492.283
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 33(b)(i))	2.081.900.000	2.081.900.000
	<u>12.957.962.271</u>	<u>7.962.392.283</u>

(*) Đây là một khoản cho vay không lãi suất và được thế chấp bằng 1.2 triệu cổ phiếu của một công ty chứng khoán do cá nhân này sở hữu. Khoản cho vay này sẽ được hoàn trả trong vòng 6 tháng.

7 HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	100.744.103.830	147.750.607.772
Nguyên vật liệu tồn kho	203.907.471.189	98.967.207.479
Công cụ, dụng cụ trong kho	39.978.722	87.085.514
Chi phí SXKD dở dang	120.155.068.143	113.239.015.301
Thành phẩm tồn kho	226.897.204.088	155.765.288.939
Hàng hóa tồn kho	5.718.296.837	6.795.884.852
Hàng gửi đi bán	2.693.793.770	5.399.330.204
	<u>660.155.916.579</u>	<u>528.004.420.061</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(12.943.868.317)</u>	<u>(1.986.590.220)</u>
	<u>647.212.048.262</u>	<u>526.017.829.841</u>

8 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Tạm ứng	1.056.969.895	1.827.273.771
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	3.971.129.781	1.722.540.480
	<u>5.028.099.676</u>	<u>3.549.814.251</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09a - DN/HN

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Tòa nhà VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	255.127.186.577	844.827.370.097	14.070.496.250	12.209.441.551	146.479.072.579	1.272.713.567.054
Mua mới	49.090.909	798.438.722	1.868.542.500	184.598.419	1.121.276.787	4.021.947.337
Chuyển từ XDCBDD	-	9.550.082.292	-	-	-	9.550.082.292
Thanh lý	-	(11.494.249.685)	(391.005.500)	(47.146.128)	(633.294.997)	(12.565.696.310)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	255.176.277.486	843.681.641.426	15.548.033.250	12.346.893.842	146.967.054.369	1.273.719.900.373
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	79.568.375.006	442.569.384.917	5.694.086.970	8.005.374.686	94.144.070.252	629.981.291.831
Khấu hao trong kỳ	2.726.226.137	19.053.245.363	575.651.293	584.355.911	3.261.641.314	26.201.120.018
Thanh lý	-	(11.206.949.545)	(391.005.500)	(47.146.127)	(446.124.977)	(12.091.226.149)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	82.294.601.143	450.415.680.735	5.878.732.763	8.542.584.470	96.959.586.589	644.091.185.700
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	175.558.811.571	402.257.985.180	8.376.409.280	4.204.066.865	52.335.022.327	642.732.275.223
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	172.881.676.343	393.265.960.691	9.669.300.487	3.804.309.372	50.007.467.780	629.628.714.673

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 tài sản cố định hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 484 tỷ đồng Việt Nam (31.12.2010: 549 tỷ đồng Việt Nam) đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14).

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 407 tỷ đồng Việt Nam (31.12.2010: 402 tỷ đồng Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09a - DN/HN

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

**Máy móc thiết bị
VNĐ**

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011 và 30 tháng 6 năm 2011

7.722.198.841

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011

2.829.906.140

Khấu hao trong kỳ

257.489.088

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

3.087.395.228

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011

4.892.292.701

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.634.803.613

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Bảng sáng chế VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	81.847.723.787	921.150.200	1.658.858.567	84.427.732.554
Mua mới	-	30.000.000	-	30.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	75.000.000	-	75.000.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	81.847.723.787	1.026.150.200	1.658.858.567	84.532.732.554
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	3.311.540.378	200.748.331	357.394.120	3.869.682.829
Khấu hao trong kỳ	161.295.400	93.007.164	150.168.973	404.471.537
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	3.472.835.778	293.755.495	507.563.093	4.274.154.366
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	78.536.183.409	720.401.869	1.301.464.447	80.558.049.725
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	78.374.888.009	732.394.705	1.151.295.474	80.258.578.188

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)****(c) Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, tài sản cố định vô hình với giá trị sổ sách còn lại là 38 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng làm tài sản thế chấp cho ngân hàng để vay dài hạn (Thuyết minh 14).

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2011 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	19.288.235.763	70.820.997.038
Tăng	93.293.100.487	43.469.139.651
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.625.082.292)	(32.540.665.628)
Thoái ghi chi phí xây dựng cơ bản dở dang của một công ty con	-	(61.437.356.336)
Chuyển khác	(3.653.617)	(1.023.878.962)
Số dư cuối kỳ/năm	102.952.600.341	19.288.235.763

Chi tiết những dự án chính như sau:

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Dự án KCN Nhị Xuân	234.000.000	234.000.000
Dự án Thành Công Tower 1	101.012.056.498	10.978.327.596

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 - DN/HN

10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tòa nhà cho thuê VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	20.945.036.986	11.384.706.172	32.329.743.158
Thanh lý	(1.295.300.000)	-	(1.295.300.000)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>19.649.736.986</u>	<u>11.384.706.172</u>	<u>31.034.443.158</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	52.828.330	1.876.034.410	1.928.862.740
Khấu hao trong kỳ	1.168.368	113.801.964	114.970.332
Thanh lý	(37.375.060)	-	(37.375.060)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>16.621.638</u>	<u>1.989.836.374</u>	<u>2.006.458.012</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	<u>20.892.208.656</u>	<u>9.508.671.762</u>	<u>30.400.880.418</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u><u>19.633.115.348</u></u>	<u><u>9.394.869.798</u></u>	<u><u>29.027.985.146</u></u>

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2011 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	85.127.047.468	5.761.258.589
Tăng	24.878.163	327.763.206
Phân loại lại từ TSCĐ vô hình	-	85.954.939.930
Thoái ghi chi phí trả trước dài hạn của một công ty con	-	(3.878.828.545)
Phân bổ vào chi phí	(1.335.038.830)	(3.038.085.712)
Số dư cuối kỳ/năm	<u><u>83.816.886.801</u></u>	<u><u>85.127.047.468</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09a - DN/HN

12 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2011 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	722.577.762	2.393.900.929
Thoái ghi tài sản dài hạn khác của một công ty con	-	(1.224.067.678)
Phân bổ vào chi phí	(239.603.609)	(447.255.489)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>482.974.153</u>	<u>722.577.762</u>

13 LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2011 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	10.850.669.173	13.424.538.828
Bổ sung	94.587.085	11.313.155.553
Phân bổ vào chi phí	(568.022.455)	(1.964.087.720)
Thoái ghi lợi thể thương mại phát sinh từ thanh lý một công ty con	-	(11.922.937.488)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>10.377.233.803</u>	<u>10.850.669.173</u>

14 CÁC KHOẢN VAY

(a) Các khoản vay ngắn hạn

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Các khoản vay ngắn hạn (i)	546.077.158.818	319.666.597.687
Nợ dài hạn đến hạn trả	83.856.623.114	96.353.770.630
Nợ thuê tài chính	719.308.207	1.652.455.576
	<u>630.653.090.139</u>	<u>417.672.823.893</u>

(b) Các khoản vay dài hạn

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Các khoản vay dài hạn (ii)	375.792.968.988	414.416.165.577
Trừ: Khoản phải trả trong vòng 1 năm	(83.856.623.114)	(96.353.770.630)
	<u>291.936.345.874</u>	<u>318.062.394.947</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)****(c) Nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 30.6.2011			Tại ngày 31.12.2010		
	Tổng cộng VNĐ	Lãi VNĐ	Gốc VNĐ	Tổng cộng VNĐ	Lãi VNĐ	Gốc VNĐ
Trong vòng 1 năm	727.604.228	8.296.021	719.308.207	1.700.101.378	47.645.802	1.652.455.576

14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(i) Tập đoàn có các hợp đồng vay tín dụng ngắn hạn với các ngân hàng trong nước để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Hợp đồng vay ngân hàng	Hạn mức tín dụng	Lãi suất %	Số dư nợ tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Số dư nợ tại ngày 30.6.2010 VNĐ	Tài sản thế chấp
Ngân hàng HSBC Việt Nam	2,5 triệu đô la Mỹ	Thả nổi	14.550.053.324	20.906.149.635	Không tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("VCB")	250 tỷ đồng Việt Nam	Thả nổi	172.248.908.535	130.062.066.719	Tài sản cố định
Ngân hàng Công thương Việt Nam ("VietinBank")	100 tỷ đồng Việt Nam	Tiền gửi 6 tháng +2.5%/năm	44.402.053.071	67.965.800.859	Tài sản cố định
E-Land Asia Holding Pte Ltd (bên liên quan)	7 triệu đô la Mỹ	Từ 0,78% đến 0,99%/năm	144.326.000.000	18.932.000.000	Không tài sản đảm bảo
Ngân hàng Far East National Bank	4 triệu đô la Mỹ	SIBOR + 1,7%/năm	46.431.440.750	19.892.346.994	Không tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế ("VIB")	60 tỷ đồng Việt Nam	Thả nổi	47.204.313.697	5.112.233.480	Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("SCB")	57 tỷ đồng Việt Nam	Thả nổi	55.522.495.491	56.796.000.000	Không tài sản đảm bảo
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	80 tỷ đồng Việt Nam	Thả nổi	21.391.893.950	-	Tài sản cố định
			<u>546.077.158.818</u>	<u>319.666.597.687</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09a - DN/HN

14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(ii) Các khoản vay dài hạn Tập đoàn nhận được từ các ngân hàng trong nước. Chi tiết như sau:

Hợp đồng vay ngân hàng	Tổng gạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng	Lãi suất %	Số dư nợ tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Số dư nợ tại ngày 30.6.2010 VNĐ
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	12 tỷ đồng Việt Nam	6 năm	3%/năm	9.960.342.843	10.992.342.843
VietinBank	320 tỷ đồng Việt Nam	5 - 8 năm	Tiền gửi tiết kiệm 12 tháng +2.40% - 4.80%/năm	253.711.519.224	276.460.057.032
Vietcombank	49.076 triệu đồng Việt Nam	5 - 10 năm	Lãi suất thông báo + 0.96%/ năm / 6 tháng SIBOR + 1.85%/ năm	10.325.412.095	12.310.020.545
Vietcombank	432.875 đô la Mỹ	5 năm	6 tháng SIBOR + 1.85%/ năm	1.486.245.231	3.413.004.164
Vietcombank	1.056.000CHF	5 năm	Thả nổi	19.227.000.000	20.363.904.000
VIB	4.669.000 đô la Mỹ	5 năm	6 tháng SIBOR + 1.9%- 2.0%/năm	46.439.596.406	51.285.145.460
BIDV	1.290.655 đô la Mỹ	5 - 8,5 năm	6 tháng SIBOR + 2.2%- 2.80% / năm	1.910.194.609	3.475.024.260
Ngân hàng Far East National Bank	5 triệu đô la Mỹ	6 năm	6 tháng SIBOR + 2.0%/ năm	32.552.658.580	35.868.867.273
Techcombank	406 triệu đồng Việt Nam	3 năm	Thả nổi	180.000.000	247.800.000
				375.792.968.988	414.416.165.577

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Bên thứ ba	175.323.598.736	237.479.364.637

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.934.456.282	24.537.133.881
Thuế xuất, nhập khẩu	-	28.038.617
Thuế thu nhập cá nhân	529.081.839	539.742.302
Thuế khác	2.025.572	-
	<u>5.465.563.693</u>	<u>25.104.914.800</u>

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Phí chuyên gia	627.000.000	472.446.000
Hoa hồng bán hàng	371.586.066	1.762.861.202
Chi phí lãi vay	923.160.614	1.379.100.002
Chi phí khác	173.467.473	275.762.703
	<u>2.095.214.153</u>	<u>3.890.169.907</u>

18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	2.029.144.366	213.367.799
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 23)	31.329.681.400	13.049.491.000
Các khoản phải trả khác	3.427.150.222	2.968.984.247
	<u>36.785.975.988</u>	<u>16.231.843.046</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****19 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2011 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2010 VNĐ
Số đầu kỳ/năm	37.502.000.000	37.502.000.000
Đã nộp trong kỳ	(19.626.000.000)	-
Số cuối kỳ/năm	17.876.000.000	37.502.000.000

Khoản này thể hiện giá trị tăng thêm khi định giá các lô đất mà Công ty được giao và thuê tại thời điểm cổ phần hóa năm 2004. Theo báo cáo định giá tài sản ngày 28 tháng 9 năm 2005, trong số các lô đất, có 5 lô đất với tổng diện tích là 36.716 m² đã được định giá lại.

Trong kỳ, Công ty đã nộp 19,6 tỷ đồng Việt Nam cho Ngân sách Nhà nước để nhận quyền sử dụng của một lô đất.

20 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	2.381.433.885	1.943.682.757
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	244.404.696	3.006.397.388
	2.625.838.581	4.950.080.145
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	(76.919)	(445.820.728)
	2.625.761.662	4.504.259.417

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****20 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)**

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2011 VNĐ	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ/ năm	4.504.259.417	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(1.878.497.755)	-
Số dư cuối kỳ/năm	<u>2.625.761.662</u>	<u>-</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản dự phòng, chi phí phải trả và lỗ chênh lệch tỷ giá, thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ doanh thu chưa thực hiện.

21 VỐN CỔ PHẦN**(a) Số lượng cổ phiếu**

	Tại ngày 30.6.2011 Cổ phiếu phổ thông	Tại ngày 31.12.2010 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	44.737.486	43.438.243
Cổ phiếu quỹ	(100.450)	(100.450)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>44.637.036</u>	<u>43.337.793</u>

Trong kỳ, Công ty đã phát hành 1.299.243 cổ phiếu cho việc chi trả cổ tức năm 2009.

Danh sách các cổ đông chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 gồm:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Vốn cổ phần VNĐ	%
E-Land Asia Holdings Pte Ltd	19.387.119	193.871.190.000	43,34
Tập đoàn Dệt may Việt Nam ("Vinatex") (*)	4.300.160	43.001.600.000	9,61
Khác	20.949.757	209.497.570.000	46,83
Cổ phiếu quỹ	100.450	1.004.500.000	0,22
	<u>44.737.486</u>	<u>447.374.860.000</u>	<u>100,00</u>

(*) Vinatex là cổ đông nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09a - DN/HN

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	434.382.430.000	45.032.400.000	(5.939.990.000)	13.552.021.329	21.503.132.595	277.600.000	951.914.650	509.759.508.574
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	199.587.769.274	199.587.769.274
Trích lập các quỹ	-	-	-	551.052.099	551.052.099	-	(1.653.156.296)	(551.052.098)
Chia cổ tức	-	-	-	(12.992.430.000)	-	-	(21.668.896.500)	(34.661.326.500)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(3.463.811.378)	-	-	(3.463.811.378)
Khác	-	-	-	(6.774.311.293)	(966.646.329)	(277.600.000)	16.305.136.285	8.286.578.663
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	434.382.430.000	45.032.400.000	(5.939.990.000)	(5.663.667.865)	17.623.726.987	-	193.522.767.413	678.957.666.535
Vốn tăng trong kỳ								
(Thuyết minh 21)	12.992.430.000	-	-	-	-	-	-	12.992.430.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	127.761.142.035	127.761.142.035
Trích lập các quỹ	-	-	-	13.275.197.414	13.275.197.414	9.482.283.867	(49.307.876.109)	(13.275.197.414)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(66.955.554.000)	(66.955.554.000)
Khác	-	-	-	-	-	-	(673.321.867)	(673.321.867)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	447.374.860.000	45.032.400.000	(5.939.990.000)	7.611.529.549	30.898.924.401	9.482.283.867	204.347.157.472	738.807.165.289

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****23 CỔ TỨC PHẢI TRẢ**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2011 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	13.049.491.000	48.896.000
Số cổ tức công bố trong kỳ/năm (Thuyết minh số 33(a)(iv))	66.955.554.000	34.661.326.500
Cổ tức trả bằng cổ phiếu trong kỳ/năm (Thuyết minh 21)	(12.992.430.000)	-
Số cổ tức đã trả bằng tiền mặt trong kỳ/năm	(35.682.933.600)	(21.660.731.500)
Số dư cuối kỳ/năm	31.329.681.400	13.049.491.000

24 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2011	30.6.2010
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	127.761.142.035	51.289.759.508
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	44.637.036	43.337.793
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	2.862	1.183
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ)	2.862	1.169

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, lãi cơ bản trên một cổ phiếu bị suy giảm khi các cổ phiếu mới được phát hành phục vụ mục đích chi trả cổ tức đã thực hiện trong năm 2011 như thuyết minh số 21.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09a - DN/HN

25 DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2011	30.6.2010
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu xuất khẩu	951.040.874.337	652.154.915.447
Doanh thu hàng bán nội địa	209.780.831.756	133.844.761.178
Phí gia công	2.609.709.257	55.553.143.132
Doanh thu từ bán bất động sản đầu tư	10.000.000.000	-
Khác	34.037.900.593	22.959.062.981
	1.207.469.315.943	864.511.882.738
Hàng bán bị trả lại	(569.220.138)	(2.260.273.030)
Giảm giá bán hàng	(26.303.073)	-
	1.206.873.792.732	862.251.609.708

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2011	30.6.2010
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập từ việc bán các khoản đầu tư dài hạn	-	1.540.800.000
Thu nhập cổ tức	20.000.000	34.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	523.667.482	887.323.331
Thu nhập lãi cho vay	-	25.335.484
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	17.333.519.604	9.364.851.495
	17.877.187.086	11.852.310.310

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2011	30.6.2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	82.227.585.881	88.649.462.961
Chi phí khấu hao	22.690.501.635	11.978.585.033
Chi phí sản xuất chung	89.634.205.783	63.932.274.614
Chi phí nguyên vật liệu	722.113.919.997	528.003.513.796
Chi phí khác	8.720.237.071	5.096.515.279
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư thanh lý	1.257.924.940	-
	926.644.375.308	697.660.351.683

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2011	30.6.2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	31.995.583.067	34.599.881.958
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	25.518.423.837	24.059.268.800
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	26.133.465.723	9.694.139.605
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác	67.450.503	-
	<u>83.714.923.130</u>	<u>68.353.290.363</u>

28 CHI PHÍ BÁN HÀNG

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2011	30.6.2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	4.119.912.612	4.114.304.481
Phí vận chuyển	8.582.452.524	6.079.031.268
Phí ngân hàng	1.832.485.047	4.311.848.061
Hoa hồng	7.357.116.890	3.841.672.862
	<u>21.891.967.073</u>	<u>18.346.856.672</u>

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2011	30.6.2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	20.254.804.621	15.464.320.792
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	2.451.186.602	2.116.649.956
Phí nhiên liệu	1.487.399.563	1.230.502.381
Chi phí thuế	797.908.941	1.136.408.914
Chi phí vận chuyển	747.410.881	903.199.506
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	4.877.103.698	7.661.870
	<u>30.619.814.006</u>	<u>29.452.743.419</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****30 THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2011	30.6.2010
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	1.647.559.922	404.818.182
Thu nhập khác	1.362.244.139	566.325.711
	<u>3.009.804.061</u>	<u>971.143.893</u>
Chi phí khác		
Lỗ do thanh lý tài sản cố định hữu hình	(474.470.161)	-
Chi phí khác	(718.856.384)	(132.403.824)
	<u>(1.193.326.545)</u>	<u>(132.403.824)</u>
	<u>1.816.477.516</u>	<u>838.740.069</u>

31 THUẾ

Theo Điều 36 của Nghị Định 164/2003/ND-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết việc thực hiện luật thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"), Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% cho 5 năm tiếp theo. Năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế là năm 2006.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất liên quan được thể hiện như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2011	30.6.2010
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	148.575.622.998	58.031.317.834
Thuế tính ở thuế suất liên quan	19.686.495.973	7.462.977.946
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	101.244.132	-
Thu nhập không chịu thuế	(733.705.521)	-
Ghi nhận thiếu những năm trước	1.743.471.543	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>20.797.506.127</u>	<u>7.462.977.946</u>
Trong đó:		
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	18.919.008.372	7.462.977.946
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	<u>1.878.497.755</u>	<u>-</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09a - DN/HN

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2011	30.6.2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	722.113.919.997	528.003.513.796
Chi phí nhân công	106.602.303.114	108.228.088.234
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.141.688.237	14.213.850.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.767.560.472	63.932.274.614
Các chi phí khác bằng tiền	52.409.181.995	35.391.218.253
	<u>996.034.653.816</u>	<u>749.768.945.782</u>

33 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ báo cáo, các giao dịch quan trọng sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2011	30.6.2010
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Thành Châu	-	3.226.692.012

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

Công ty Cổ phần Thành Châu	-	1.914.662.789
----------------------------	---	---------------

iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Lương và các quyền lợi gộp khác	4.256.178.437	3.974.552.999
---------------------------------	---------------	---------------

iv) Hoạt động tài chính

Cổ tức công bố cho các cổ đông (Thuyết minh 23)	66.955.554.000	21.668.896.500
Tiền vay nhận được từ E-land Asia Holding Pte Ltd	123.708.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ –THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**Mẫu số B 09a - DN/HN****33 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan****i) Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 6)**

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Thành Chí – phải thu cổ tức	2.081.900.000	2.081.900.000

ii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14(c))

E-Land Asia Holdings Pte Ltd	144.326.000.000	18.932.000.000
------------------------------	-----------------	----------------

33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê văn phòng, hệ thống phòng trưng bày. Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày 30.6.2011 VNĐ	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Dưới 1 năm	4.000.855.093	4.278.473.579
Từ 1 đến 5 năm	14.471.677.149	18.496.615.535
Trên 5 năm	73.170.744.895	66.645.989.324
	91.643.277.137	89.421.078.438

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 29 tháng 8 năm 2011.

Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Minh Hảo
Kế toán trưởng